

Số:107a/QĐ-MNNK

Ninh Khang, ngày 10 tháng 07 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

**V/v công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước  
6 tháng năm 2025**

### TRƯỜNG MẦM NON NINH KHANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;*

*Căn cứ nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

Căn cứ đối chiếu dự toán ngân sách nhà nước quý II năm 2025 của trường mầm non Ninh Khang với kho bạc nhà nước khu vực V;

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán trường mầm non Ninh Khang.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng năm 2025 của trường mầm non Ninh Khang

*(có biểu mẫu đính kèm)*

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Ban giám hiệu, tổ chuyên môn, bộ phận kế toán tài chính trường mầm non Ninh Khang và các cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu: VT, KT.



Thủ trưởng đơn vị

Lê Thị Thúy

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường mầm non Ninh Khang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 622

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH  
6 tháng năm 2025**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị  
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường mầm non Ninh Khang công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng năm 2025 như sau:

*DVT: Triệu đồng*

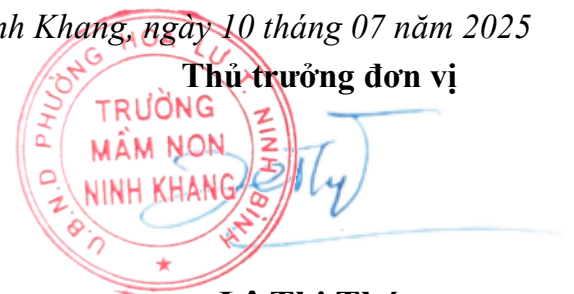
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>				
1	Lệ phí				
2	Phí				
	Học phí				
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>				
<b>I</b>	<b>Chi sự nghiệp.....</b>				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>				
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>				
2	Phí				
	Học phí				
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>7274.64</b>	<b>3836.544</b>	<b>53.70</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>7274.636</b>	<b>3836.544</b>	<b>53.70</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>				
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>7144.468</b>	<b>3836.544</b>	<b>53.700</b>	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	<b>7015.3</b>	<b>3802.644</b>	<b>54.21</b>	
	Lương theo ngạch, bậc		1628.		
	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		29.400		
	Phụ cấp chức vụ		29.337		
	Phụ cấp ưu đãi nghề		581.999		
	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc		1.404		
	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề		282.098		
	Các khoản hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học		2.500		
	Chi khác (6299) Phúc lợi tập thể		170.600		
	Bảo hiểm xã hội		337.287		
	Bảo hiểm y tế		56.242		
	Kinh phí công đoàn		30.000		
	Bảo hiểm thất nghiệp		21.544		
	Tiền điện		41.457		
	Tiền nước		19.239		
	Văn phòng phẩm		13.533		

	Vật tư văn phòng khác		124.306		
	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng		1.079		
	Khoản công tác phí		8.400		
	Thuê thiết bị các loại		8.982		
	Thuê lao động trong nước		74.548		
	Chi phí thuê mướn khác		39.651		
	Các thiết bị công nghệ thông tin		26.345		
	Đường điện, cấp thoát nước		15.074		
	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác		49.833		
	Chi mua hàng hóa, vật tư		111.185		
	Chi khác (7049) Chuyên môn Nghiệp vụ của từng ngành		18.270		
	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin		12.00		
	Chi các khoản khác (7799)		28.58		
	Chi kỷ niệm các ngày lễ lớn		40.92		
	Tiết kiệm NĐ73	-1.000	-1.00		
3.2	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>130.168</b>	<b>34.900</b>	<b>26.812</b>	
	Kinh phí thực hiện chuyển đổi số	17.358			
	Kinh phí đào tạo nghiệp vụ đấu thầu	5.500	5.50		
	Kinh phí phần mềm tiếng Anh Smart Kids	25.000	25.00		
	Kinh phí hỗ trợ con công nhân	2.400			
	Hỗ trợ miễn giảm học phí	75.51			
	Kinh phí đào tạo nghiệp vụ kế toán	4.400	4.40		
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>				
<b>III</b>	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>				

Ninh Khang, ngày 10 tháng 07 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị



Lê Thị Thúy

